TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2025.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trò và ông Nguyễn Việt Tú.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Ông Hà Đức Anh- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1984
Địa chỉ: Khu Đ, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm 1982
Địa chỉ: Khu Đ, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.
(Chị P, chị C đều có quan điểm xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 24/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày: Chị và anh Hà Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2009 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Khi vợ chồng mâu thuẫn gia đình hai bên cũng đã hoà giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 03 con chung là cháu Hà Minh H, sinh ngày 24/02/2011; cháu Hà Trọng T, sinh ngày 07/8/2012 và cháu Hà Minh Đ, sinh ngày 21/5/2024. Hiện nay, cháu H và cháu T đang ở cùng anh C còn cháu Đ đang ở cùng chị. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Minh H, cháu Hà Minh Đ và

nhất trí giao cháu Hà Trọng T cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu được nuôi hai con chung thì chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết.

2, P1 bị đơn anh Hà Văn Công trình B: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2009 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu Đ, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng tình cảm hoà thuận hạnh phúc được khoảng bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống nên mâu thuẫn, cãi vã nhau, chung sống không hạnh phúc. Khi vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng chị P đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị P ở 02 lần. Anh đã đến động viên và đón chị P về ở cùng. Đến tháng 2/2025 chị P lại về nhà mẹ đẻ chị P ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh nữa. Quá trình chung sống vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng đã sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng mặc dù được gia đình hai bên hoà giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị P xin ly hôn anh, quan điểm của anh là không nhất trí ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Nếu chị P kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh và chị P có 03 con chung là cháu Hà Minh H, sinh ngày 24/02/2011; cháu Hà Trọng T, sinh ngày 07/8/2012 và cháu Hà Minh Đ, sinh ngày 21/5/2024. Hiện nay, cháu H và cháu T đang ở cùng anh còn cháu Đ đang ở cùng chị P. Nếu ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Trọng T và cháu Hà Minh Đ. Anh nhất trí để chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Minh H. Nếu được nuôi hai con chung thì anh không yêu cầu chị Phẩm cấp D nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh C không yêu cầu giải quyết.

3, Nguyện vọng của cháu Hà Minh H và cháu Hà Trọng T: Cháu H có nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu T có nguyện vọng xin được ở với bố.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã P ngày 10/6/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị P và anh C có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2009 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn chị P và anh C cùng nhau chung sống tại khu Đ, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống anh chị hoà thuận hạnh phúc được bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống hàng ngày, do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Quá trình chung sống khi anh chị mâu thuẫn, cãi vã nhau chị P đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị P ở 2 lần. Anh C đã đến động viên nên chị P lại quay về chung sống cùng anh C. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Tháng 02/2025 chị P lại về nhà mẹ đẻ chị P ở, từ đó đến nay không quay về chung sống cùng anh C nữa, anh chị không ai quan tâm đến ai. Chị P và anh C có 03 con chung là Hà Minh H, sinh ngày 24/02/2011; Hà Trọng T, sinh ngày 07/8/2012 và cháu Hà Minh Đ, sinh ngày 21/5/2024. Hiện nay cháu H và cháu T đang ở cùng anh C còn cháu Đ đang ở cùng chị P. Nay chị P xin ly hôn

anh C, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn anh Hà Văn C.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Hà Minh H, sinh ngày 24/02/2011 và cháu Hà Minh Đ, sinh ngày 21/5/2024 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H, cháu Đông thành N (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là cháu Hà Trọng T, sinh ngày 07/8/2012 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị P tự nguyện không yêu cầu. Chị P, anh C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P và anh C đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh C có hộ khẩu thường trú tại khu Đ, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị P và anh C đều có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị P và anh C là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 27/12/2009 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị P cho rằng quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh C cho rằng quá trình chung sống vợ chồng tình cảm hoà thuận hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống nên mâu thuẫn, cãi vã nhau, chung sống không hạnh phúc. Tháng 2/2025 chị P về nhà mẹ đẻ chị P ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh nữa. Quá trình chung sống vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng đã sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị P và anh C được đại diện chính quyền địa phương xã P cung cấp sau khi kết hôn anh chị hoà thuận hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống hàng ngày, do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Tháng 02/2025 chị P về nhà mẹ đẻ chị P ở, từ đó đến nay không quay về chung sống cùng anh C nữa, anh chị không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị P và anh C đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị P được ly hôn anh C là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị P và anh C có 03 con chung là cháu Hà Minh H, sinh ngày 24/02/2011; cháu Hà Trọng T, sinh ngày 07/8/2012 và Hà Minh Đ, sinh ngày 21/5/2024. Khi ly hôn chị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu Đ và nhất trí giao cháu T cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng. Phía anh C đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, cháu Đ và nhất trí giao cháu H cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu về nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng, cháu H có nguyện vọng xin được ở với chị P, cháu T có nguyện vọng xin được ở với anh C. Vì vậy giao cháu H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Đ, cả chị P và anh C đều đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đ. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu Đ còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên để đảm bảo quyền lợi cho con chung cần xử giao cho chị P được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị P trình bày nếu được nuôi hai con chung thì chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P và anh C đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn anh Hà Văn C.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Hà Minh H, sinh ngày 24/02/2011 và cháu Hà Minh Đ, sinh ngày 21/5/2024 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H, cháu Đông thành N (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là cháu Hà Trọng T, sinh ngày 07/8/2012 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị P tự nguyện không yêu cầu. Chị P, anh C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P và anh C đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005148 ngày 16/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã P;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền